

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2019
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn,
nuôi con và chia tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Trịnh Hữu Chinh;**

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà **Hồ Thị Mai Hương**
Ông **Phạm Phước Tâm**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Võ Thị Kim Hoa** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2015 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 658/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 25/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Việt T**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh **Trần Phước Tr**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2018; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 15/3/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Việt T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Tr kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh vào ngày 28/10/2016. Trong thời gian đầu sống chung vợ chồng vẫn hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Tr không phụ giúp chị T, không đi làm và không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình, ít quan tâm đến vợ con. Chị T đã khuyên can nhiều lần nhưng anh Tr vẫn không thay đổi. Vợ

chồng đã không còn sống chung, trong thời gian này không ai có ý hàn gắn tình cảm. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Phước Tr.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Phú D, sinh ngày 18/8/2017. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Đối với bị đơn là anh Trần Phước Tr đã được được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

- Giấy trích lục kết hôn Trần Thị Việt T – Trần Phước Tr, ngày đăng ký 28/10/2016, do UBND xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh cấp (Bản sao);

- Giấy trích lục khai sinh Trần Phú D, sinh ngày 18/8/2017 (Bản sao);

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 15/3/2019 và đã thông báo cho các đương sự vắng mặt được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị Việt T có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Trần Phước Tr. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản*”.

Anh Trần Phước Tr là người bị kiện có địa chỉ tại ấp K, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Anh Trần Phước Tr mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng lại vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Tr.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Tr chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh ngày 28/10/2016. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh Tr là hợp pháp, chị T yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ. Bởi vì, mâu thuẫn giữa chị T và anh Tr đã trầm trọng, không ai quan tâm nhau, vợ chồng đã ly thân nhưng không ai có ý hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Việt T.

- Về con chung: Chị T và anh Tr có 01 con chung tên Trần Phú D, sinh ngày 18/8/2017. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng là căn cứ điều kiện chăm sóc con chung. Tại phiên tòa hôm nay chị T cho rằng có đủ điều kiện về kinh tế cũng như thời gian chăm sóc con chung tên Phú D. Đồng thời, con chung đang sống với chị T phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

Giao con chung tên Trần Phú D, sinh ngày 18/8/2017 cho chị Trần Thị Việt T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Phước Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên chị T không có yêu cầu anh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy đây là sự tự nguyện và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị T trình bày trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ chung.

[3]. Về án phí:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai số 0001198 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Việt T được ly hôn với anh Trần Phước Tr.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Việt T được nuôi con chung tên Trần Phú D, sinh ngày 18/8/2017. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Trinh không có yêu cầu.

Anh Trần Phước Tr được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

5. Về án phí:

Chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai số 0001198 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Hữu Chính